

# Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội: thực trạng và giải pháp

Lương Ngọc Minh  
Trường Đại học Hà Nội

Nghiên cứu này được tiến hành dựa trên việc khảo sát ý kiến của 386 sinh viên thuộc 08 trường đại học ở Hà Nội về tinh thần khởi nghiệp và 07 nhân tố tác động đến tinh thần khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả phân tích EFA phát hiện thêm 01 nhân tố mới là “Sự tự tin khởi nghiệp” của sinh viên và các nhân tố đều tác động thuận chiều với tinh thần khởi nghiệp của sinh viên theo thứ tự giảm dần từ “Sự tự tin khởi nghiệp”; tới “Nguồn vốn cho khởi nghiệp”; “Cảm nhận về tính khả thi”; “Kỳ vọng của bản thân”; “Chuẩn mực niềm tin”; “Thái độ về việc khởi nghiệp”; “Sự giáo dục”; và cuối cùng là “Cảm nhận về năng lực bản thân có thể khởi nghiệp”. Trên cơ sở, tác giả đã đề xuất một số giải pháp thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội trong thời gian tới.

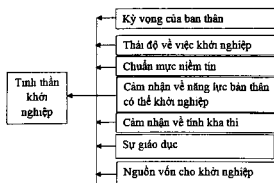
## 1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, Chính phủ luôn có vũ các hoạt động khởi nghiệp kinh doanh trên mọi lĩnh vực và với mọi đối tượng, đặc biệt đối tượng là sinh viên đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng trên cả nước. Sự phát triển của phong trào khởi nghiệp sẽ giúp sinh viên có thể tự tạo việc làm sau khi ra trường và tạo công ăn việc làm cho cả những người khác, góp phần giải quyết nạn thất nghiệp và khoảng cách giàu nghèo... Nhưng để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên thì cần phải có các nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn nhằm tìm hiểu xem những nhân tố nào tác động, mức độ tác động, chiều hướng tác động..., đến tinh thần khởi nghiệp, từ đó sẽ tạo ra các căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà trường, cùng sinh viên có hướng tác động nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp ngày một tăng cao. Nghiên cứu này tiến hành đánh giá mức độ và chiều hướng tác động của các nhân tố tới tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội, từ đó đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội trong thời gian tới.

## 2. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu trước, tác giả khái quát nên mô hình và các giả thuyết nghiên cứu như sau:

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Mô hình này sẽ gồm các giả thuyết như sau:

Giả thuyết (H1): Kỳ vọng của bản thân có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.

Giả thuyết (H2): Thái độ về việc khởi nghiệp có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.

Giả thuyết (H3): Chuẩn mực niềm tin có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.

Giả thuyết (H4): Cảm nhận về năng lực bản thân có thể khởi nghiệp có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.

Giả thuyết (H5): Cảm nhận về tính khả thi có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.

Giả thuyết (H6): Sự giáo dục có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.

Giả thuyết (H7): Nguồn vốn cho khởi nghiệp có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.

Căn cứ vào mô hình và các giả thuyết nghiên cứu, tác giả tiến hành khái quát nên mô hình hồi quy tuyến tính một tá mỗi quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc có dạng như sau:

Mô hình hồi quy các nhân tố tác động tới Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội

$$Y = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_7X_7 + e$$

Trong đó:

- Y: là biến phụ thuộc, biểu diễn Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.

- Xi: là các biến số độc lập, biểu diễn các nhân tố tác động tới Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội.

- bi: là các hệ số của mô hình hồi quy

- e: là phần dư

### Phương pháp nghiên cứu

Từ việc hệ thống hóa các cơ sở lý thuyết, tác giả khái quát nên bảng hỏi với 40 thang đo đại diện cho 07 nhân tố tác động tới tinh thần khởi nghiệp của sinh viên như trong mô hình đề xuất.

Nội dung và cấu trúc bảng hỏi khảo sát được thiết kế phù hợp với thang đo cơ bản của mỗi biến nghiên cứu và lựa chọn câu trả lời theo dạng đo Likert với 5 mức độ với 1 là hoàn toàn không đồng ý và 5 là hoàn toàn đồng ý. Mẫu nghiên cứu được lấy là 386 phiếu học tập là khảo sát tại 08 trường đại học trên địa bàn Hà Nội, kích thước mẫu đảm bảo tính đại diện cho nghiên cứu.

### Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả phân tích EFA đối với 40 thang đo nghiên cứu cho thấy, giá trị phương sai trích là 68,564% với điểm dừng các nhân tố Eigenvalues bằng 1,441. Điều này cho biết, có tới 68,564% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi 40 biến quan sát và được nhóm lại thành 09 nhân tố chính, trong đó có 01 nhân tố đại diện cho biến phụ thuộc — Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội và 08 nhân tố đại diện cho các biến độc lập với 07 nhân tố theo mô hình lý thuyết và phát hiện thêm 01 nhân tố mới là “Sự tự tin khởi nghiệp”. Kết quả ma trận nhân tố xoay cho biết giá trị lớn nhất của hệ số tải nhân tố đối với mỗi biến quan sát. Các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0.5 nên không biến nào bị loại bỏ.

### Kiểm định độ tin cậy của các thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo các nhân tố tác động tới “Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội” cho kết quả, tất cả các hệ số Cronbach’s Alpha của các nhân tố đều lớn hơn 0.6 và hệ số tương quan biến tổng của các thang đo thành phần để lớn hơn 0.3 nên không biến nào bị loại bỏ, các thang đo là phù hợp. Tiếp theo, tác giả tiến hành phân tích hồi quy để đánh giá sự tác động của các nhân tố tới tinh thần khởi nghiệp của sinh viên Hà Nội.

## 3. Thực trạng mức độ tác động của các nhân tố tới tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội

Tiếp theo, các biến độc lập: NL (X1), KV (X2), NT (X3), TD (X4); GD (X5), NV (X6), STT (X7), TKT (X8) và biến phụ thuộc TTKN (Y) được đưa vào phân tích hồi quy bội. Phương pháp phân tích được chọn là phương pháp lựa chọn một lần (Enter), theo phương pháp này, các biến độc lập sẽ được đưa vào mô hình một lần. Giá trị của biến phụ thuộc và các biến độc lập trong mô hình được tính theo giá trị trung bình đã tính đến trọng số Factor score của các quan sát và đã chuẩn hóa. Kết quả phân tích hồi quy được thể hiện như sau:

**Bảng 1: Bảng kết quả hồi quy của mô hình TTKN**

R	Hệ số xác định R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
0.568*	0.322	0.308	0.832	1.603

Kết quả phân tích hồi quy thu được cho thấy, trị số R = 0.568 nghĩa là mối quan hệ giữa các biến trong mô hình tương đối chặt chẽ. Hệ số xác định R<sup>2</sup> = 0.322, điều này nói lên độ thích hợp của mô hình là 32,2% hay nói cách khác thì 32,2% sự biến thiên của “Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội” được giải thích bởi 08 nhân tố tác động nêu trên. Ngoài ra, giá trị R<sup>2</sup> hiệu chỉnh phản ánh chính xác hơn sự phù hợp của mô hình với tổng thể, kết quả phân tích cho thấy, R<sup>2</sup> hiệu chỉnh có giá trị bằng 0.308 (hay 30,8%) tức là chỉ có 30,8% sự biến thiên của biến phụ thuộc (Y) “Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội” được giải thích bởi 08 biến trong mô hình, còn 69,2% sẽ do các yếu tố khác ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

Để kiểm định độ phù hợp của mô hình hồi quy tổng thể ta xem xét đến giá trị thống kê F trong bảng phân tích phương sai ANOVA, giá trị F = 22.389 với mức ý nghĩa Sig. = 0.000 < 0.05, bước đầu cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được.

Để đánh giá việc mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến ta xem xét hệ số phóng đại phương sai VIF. Trong nghiên cứu này, khi tính toán giá trị của biến phụ thuộc và các biến độc lập, tác giả đã tính đến trong số Factor Score và đã chuẩn hóa nên hệ số phóng đại phương sai VIF thu được trong bảng 3.20 của các nhân tố đều bằng 1, từ đó, có thể kết luận rằng, mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến, tức là các biến độc lập có tương quan chặt chẽ với nhau.

Nhân tố	Bảng 2: Kết quả phân tích hồi quy đa biến					
	Hệ số chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa		t	Sig.
	B	Độ lệch chuẩn	Beta	Beta		
(Constant)	-9,68E-017	0,042			0,000	1,000
FA_C1_1 (NL)	0,132	0,042	0,132	3,121	0,002	1,000
FA_C2_1 (KV)	0,175	0,042	0,175	4,137	0,000	1,000
FA_C3_1 (NT)	0,170	0,042	0,170	4,003	0,000	1,000
FA_C4_1 (TD)	0,155	0,042	0,155	3,656	0,000	1,000
FA_C5_1 (GD)	0,139	0,042	0,139	3,288	0,001	1,000
FA_C6_1 (NV)	0,227	0,042	0,227	5,354	0,000	1,000
FA_C7_1 (STT)	0,324	0,042	0,324	7,638	0,000	1,000
FA_C8_1 (TKT)	0,212	0,042	0,212	5,006	0,000	1,000

a. Dependent Variable: FA\_C1\_2 (TTKN)

Bảng 2 cho thấy, tất cả các hệ số của hàm hồi quy và hệ số Beta chuẩn hóa đều bằng nhau vì khi tính theo phương pháp sử dụng Factor score thì thực chất các dữ liệu đã được chuẩn hóa trước khi phân tích hồi quy và các biến độc lập đại diện cho các nhân tố tác động đều có ý nghĩa trong mô hình (Sig.<0.05) và có tác động tới “Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội” và đều là tác động thuận chiều.

Từ kết quả phân tích hồi quy ta có mô hình:

$$TTKN \quad 0.132*NL + 0.175*KV + 0.170*NT + 0.155*TD + 0.139*GD + 0.227*NV + 0.324*STT + 0.212*TKT + e$$

Mô hình trên giải thích được 30,8% (R2 hiệu chỉnh = 0.308), sự thay đổi của “Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội” là do các biến độc lập trong mô hình tạo ra, còn lại 69,2% sự thay đổi được giải thích bởi các nhân tố khác ngoài mô hình

Tiếp theo, tác giả tiến hành kiểm định sự khác không của các hệ số hồi quy tương ứng với các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7, H8 (Bảng 4). Căn cứ vào ý nghĩa giá trị (t) và mức ý nghĩa Sig., tác giả đưa ra bảng tổng hợp kiểm định các giả thuyết mô hình hồi quy giữa các nhân tố tác động tới “Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội” (H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7, H8) theo bảng dưới đây:

**Bảng 3: Tổng hợp kết quả kiểm định giả thuyết**

Giả thuyết	Kết quả kiểm định
H1: Cảm nhận về năng lực bản thân có thể khởi nghiệp có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp	Chấp nhận với $\alpha = 0,05$
H2: Kỳ vọng của bản thân có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp	Chấp nhận với $\alpha = 0,01$
H3: Chuẩn mực niềm tin có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp	Chấp nhận với $\alpha = 0,01$
H4: Thái độ về việc khởi nghiệp có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp	Chấp nhận với $\alpha = 0,01$
H5: Sự giáo dục có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp	Chấp nhận với $\alpha = 0,05$
H6: Nguồn vốn cho khởi nghiệp có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp	Chấp nhận với $\alpha = 0,01$
H7: Sự tự tin khởi nghiệp có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp	Chấp nhận với $\alpha = 0,01$
H8: Cảm nhận về tinh thần khởi nghiệp có mối tương quan thuận với tinh thần khởi nghiệp	Chấp nhận với $\alpha = 0,01$

Bảng 4 cho thấy các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7, H8 đều được chấp nhận. Bên cạnh đó, căn cứ vào hệ số Beta cũng cho thấy, mức độ tác động của các biến độc lập tới biến phụ thuộc “Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội” được sắp xếp theo thứ tự giảm dần như sau: Thứ nhất là nhân tố “Sự tự tin khởi nghiệp” (0.324); Thứ hai là nhân tố “Nguồn vốn cho khởi nghiệp” (0.227); Thứ ba là nhân tố “Cảm nhận về tinh thần khởi nghiệp” (0.212); Thứ tư là nhân tố “Kỳ vọng của bản thân” (0.175); Thứ năm là nhân tố “Chuẩn mực niềm tin” (0.170); Thứ sáu là nhân tố “Thái độ về việc khởi nghiệp” (0.155); Thứ bảy là nhân tố “Sự giáo dục” (0.139); Thứ tám là nhân tố “Cảm nhận về năng lực bản thân có thể khởi nghiệp” (0.132).

#### 4. Đề xuất giải pháp thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội

Trên cơ sở mức độ và chiều hướng tác động của các nhân tố tới tinh thần khởi nghiệp của sinh viên, tác giả mạnh dạn đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội như sau:

- i. Kích hoạt ý tưởng khởi nghiệp cho sinh viên
- ii. Tạo dựng môi trường đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên thủ đô

Khởi dậy và khám phá tố chất doanh nhân

của sinh viên

- Truyền cảm hứng và nuôi dưỡng thái độ ý chí khởi nghiệp của sinh viên

- Xây dựng môi trường định hướng khởi nghiệp cho sinh viên

- Tạo dựng môi trường đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp của SV

- Tạo môi trường thực tiễn trong chương trình đào tạo

iii. Giải pháp đào tạo kiến thức trong tâm cho sinh viên tiến tới khởi nghiệp

- Đào tạo để nắm chắc kiến thức và kỹ năng kinh doanh

- Đào tạo thực tế để truyền cảm hứng và nuôi dưỡng thái độ, ý chí khởi nghiệp của sinh viên

iv. Giải pháp nâng cao khả năng huy động vốn cho khởi nghiệp.

#### Tài liệu tham khảo

Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Diệu Hiền, Mai Võ Ngọc Thanh (2016), “Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên khối ngành quản trị kinh doanh tại các trường đại học/cao đẳng ở thành phố Cần Thơ”, Nghiên cứu khoa học, 10.

Nguyễn Hải Quang, Cao Nguyễn Trung Cường (2017), “Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên khoa quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế - Luật”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh, 25, pp. 10 - 19.

Trương Đức Thao (2018), “Nghiên cứu tác động của các đặc điểm cá nhân đến cảm nhận về việc dễ sử dụng các dịch vụ vận chuyển công cộng thay cho phương tiện cá nhân”, Tạp chí Kinh tế - Châu Á Thái Bình Dương, Nov, pp. 76 - 78.

Đoàn Thị Thu Trang, Lê Hiếu Học (2018), “Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp sinh viên ngành kĩ thuật: Nghiên cứu trường hợp Đại học Bách Khoa Hà Nội”, Tạp chí Kinh tế đối ngoại, 97.

Ajzen, I. (1991), “The Theory of Planned Behavior”, Organizational Behavior and Human Decision Processes, 50, pp. 179 - 211.

Fishbein, M., Ajzen, I. (1975), Belief, attitude, intention and behavior: An introduction to theory and research, Addison-Wesley, Reading, MA.

Linan, F., Chen, Y. W. (2009), “Development and cross-cultural application of a specific instrument to measure entrepreneurial intentions”, Entrepreneurship Theory and Practice, 33, pp. 593 - 617.